

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAM RÔNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 7 - 2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền;

2. Ông Cù Pam Ha Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Rông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2024/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà **Nông Thị H**, sinh năm: 1980. Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thành L trình bày:

Ông và bà Nông Thị H kết hôn với nhau vào tháng 11 năm 2003 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Khi kết hôn vợ chồng chung sống ở xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Đến tháng 6 năm 2008 thì chuyển đến làm ăn sinh sống tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng nghiêm trọng không thể hàn gắn, nguyên nhân là do bà H vô tâm, không quan tâm đến

chồng. Ông L đã nhiều lần tâm sự, khuyên nhủ mong vợ chồng hòa thuận nhưng bà H không thay đổi. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nông Thị H.

- Về con chung: Ông Nguyễn Thành L xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày: 11/10/2003 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 13/3/2013. Cháu T đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu K hiện đang ở với mẹ, ông L đồng ý giao cháu K cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/ tháng.

- Về tài sản chung: Ông L xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông L xác định vợ chồng không nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt ngày 27/5/2024, Bị đơn bà Nông Thị H trình bày: Vì lý do sức khỏe và chăm sóc con nhỏ, bà H không thể đến Tòa án để làm việc và đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt bà, đồng thời bà trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thành L không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng nên đồng ý ly hôn với ông L.

- Về con chung: Bà và ông Nguyễn Thành L có 02 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh năm: 2003 và Nguyễn Tuấn K, sinh năm: 2013. Cháu T đang du học ở Trung Quốc và ông L yêu cầu bà chu cấp hoàn toàn trong quá trình 5 năm học đại học của cháu, chi phí từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng. Đối với cháu K còn nhỏ, bà yêu cầu ông L có trách nhiệm hỗ trợ một phần kinh phí hàng tháng cho đến khi cháu trưởng thành, bà không đề xuất mức cụ thể mà do ông L tự quyết định theo tình cảm với con cái và điều kiện kinh tế của ông L.

- Về tài sản chung: Bà H xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H không đề cập đến.

Tòa án nhân dân huyện Đam Rông không tiến hành hòa giải được do bà H xin giải quyết xét xử vắng mặt và ông L đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự, giải quyết ly hôn giữa ông Nguyễn Thành L và bà Nông Thị H; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày: 13/3/2013 cho ông Nguyễn Thành L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, ông Nguyễn Thành L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu K đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thành L với bà Nông Thị H là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Bị đơn có nơi cư trú ở xã Đ, huyện Đ do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 25/11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thành L với bà Nông Thị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp và phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc đương sự vắng mặt: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Ông L xác định ông và bà Nông Thị H kết hôn với nhau vào tháng 11 năm 2003 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Khi kết hôn vợ chồng chung sống ở xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Đến tháng 6 năm 2008 thì chuyển đến làm ăn sinh sống tại thôn P, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nông Thị H. Bà Nông Thị H cũng xác định bà và ông Nguyễn Thành L không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng nên đồng ý ly hôn với ông L. Hiện nay ông L, bà H không còn chung sống với nhau nữa, như vậy, đã có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông L và bà H là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu xin ly hôn của ông L là có cơ sở, cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thành L.

[5] Về con chung: Ông L và bà H có 02 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày: 11/10/2003 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 13/3/2013. Cháu T đã trưởng thành

và phát triển bình thường. Đối với cháu K hiện đang ở với mẹ, ông L đồng ý giao cháu K cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, ông L sẽ cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/ tháng trong khi bà H yêu cầu cấp dưỡng nhưng cũng không đề xuất mức cấp dưỡng mà do ông L tự nguyện. Theo bản tự khai, cháu K có nguyện vọng được ở với mẹ, do vậy cần giao cháu K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật, buộc ông L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/ tháng (bắt đầu từ tháng 8 năm 2024).

[6] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thành L và bà Nông Thị H đều xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về nợ chung: Ông Nguyễn Thành L xác định không có nợ chung, bà H không có mặt làm việc tại Tòa án và trong nội dung trình bày bà cũng không đề cập đến nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định; Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L: Ông Nguyễn Thành L được ly hôn với bà Nông Thị H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tuấn K, sinh ngày: 13/3/2013 cho bà Nông Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Thành L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/ tháng, bắt đầu từ tháng 8 năm 2024 cho đến khi cháu K đủ tuổi trưởng thành theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành chưa thanh toán số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất

quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình

3. Về án phí: Ông Nguyễn Thành L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005336 ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đam Rông. L còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- Chi cục THADS huyện Đam Rông;
- UBND xã Krông Nô, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Hải Dương